

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 – CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/DS-ST  
Ngày: 30 – 9 – 2023  
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tô Thành

2. Ông Võ Tấn Phước

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên – Kiểm sát viên.*

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T5

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trịnh Thị Thúy H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số F đường L, khóm K, phường H, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1950

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952

- Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1981

- Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau

*(Chị Trịnh Thị Thúy H có đơn xin vắng mặt, ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị M, anh Phạm Văn T2, anh Phạm Văn T3 vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2025, tại bản tự khai, quá trình làm việc đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2018 giữa hộ kinh doanh T5 và ông Phạm Văn T1 ký kết hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với nhau. Trong quá trình giao dịch Hộ kinh doanh T5 đã giao thức ăn tôm và thuốc thủy sản theo đơn đặt hàng cho ông Phạm Văn T1. Phương thức thanh toán là khi thu hoạch tôm thì ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm công nợ cho hộ kinh doanh T5, chậm nhất là 01 ngày kể từ ngày thu vụ tôm cuối.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Phạm Văn T1 có thanh toán công nợ cho Hộ kinh doanh T5 nhưng không dứt nợ. Ngày 30/7/2020 thì hộ kinh doanh T5 và ông Phạm Văn T1 có đối chiếu nợ với nhau, theo đó tổng số tiền mà ông Phạm Văn T1 nợ hộ kinh doanh T5 là 314.940.000 đồng; Việc đối chiếu nợ được ghi vào sổ giao nhận hàng hoá. Tuy nhiên đến nay ông Phạm Văn T1 chưa thanh toán số nợ này cho hộ kinh doanh T5.

Nay ra Tòa bà Ngô Thị Cẩm T – chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 yêu cầu ông Phạm Văn T1 trả số tiền nợ gốc là 314.940.000 đồng

Đồng thời bà Ngô Thị Cẩm T – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M1 1 yêu cầu vợ của ông Phạm Văn T1 là bà Nguyễn Thị M cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông T1.

Bà Ngô Thị Cẩm T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện anh Phạm Văn T3 và Phạm Văn T2 cùng liên đới có nghĩa vụ trả nợ với ông Phạm Văn T1

Ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị M, anh Phạm Văn T3, anh Phạm Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

*Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T5. Buộc ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị M trả cho bà Ngô Thị Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 số tiền nợ gốc là 314.940.000 đồng.

- Về án phí: Buộc Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị M phải nộp số tiền án phí có giá ngạch theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Bà Ngô Thị Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T5 khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Phạm Văn T1 cư trú tại ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Bà Ngô Thị Cẩm T – chủ hộ kinh doanh T5 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Phạm Văn T3, anh Phạm Văn T2 cùng liên đới có nghĩa vụ trả nợ. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Cẩm T – chủ hộ kinh doanh T5.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Văn T1 phải thanh toán số tiền gốc là 314.940.000 đồng; đồng thời yêu cầu bà Nguyễn Thị M liên đới có nghĩa vụ trả số tiền 314.940.000 đồng cho hộ kinh doanh T5. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ năm 2018, Hộ kinh doanh T5 nhiều lần bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Phạm Văn T1, địa chỉ ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau. Các bên có lập hợp đồng mua bán và có sổ theo dõi công nợ. Đến ngày 30/7/2020, giữa Hộ kinh doanh T5 và ông Phạm Văn T1 có lập bảng đối chiếu công nợ với nội dung “sổ dư công nợ là 314.940.000 đồng”.

Như vậy, quan hệ mua bán thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm giữa bà Ngô Thị Cẩm T – chủ hộ kinh doanh T5 và ông Phạm Văn T1 là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Mặt khác, trên thực tế ông Phạm Văn T1 đã mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T5 đã diễn ra từ ngày 31/7/2018, thể hiện ở sổ theo dõi công nợ có chữ ký của ông Phạm Văn T1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Phạm Văn T1 có thanh toán một phần công nợ cho hộ kinh doanh T5. Tại bản đối chiếu công nợ mà các bên đã xác lập với nhau thì ông Phạm Văn T1 đã xác nhận còn nợ H1 kinh doanh Tân Quang M1 1 với số tiền 314.940.000 đồng. Do đó, ông Phạm Văn T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mà các bên đã thỏa thuận trong quá trình mua bán với nhau được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Vì vậy, việc bà Ngô Thị Cẩm T – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M1 1 khởi kiện số tiền 314.940.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, khoản 1 Điều 440; Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu bà Nguyễn Thị M liên đới có nghĩa vụ trả số tiền 314.940.000 đồng cho hộ kinh doanh T5, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà

Nguyễn Thị M là vợ của ông Phạm Văn T1, khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T1, bà M nên buộc bà M liên đới cùng ông T1 trả số nợ trên là có căn cứ và phù hợp với Điều 27 .

[3] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T5 đối ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị M cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T5 số tiền 314.940.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Cẩm T – chủ hộ kinh doanh T5 yêu cầu anh Phạm Văn T2, anh Phạm Văn T3 cùng liên đới có nghĩa vụ trả số tiền 314.940.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm là 15.747.000 đồng.

Bà Ngô Thị Cẩm T – chủ hộ kinh doanh T5 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 7.873.000 đồng theo biên lai thu tiền tại ứng án phí, lệ phí số 0006089 ngày 18/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau) được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Mỹ Ghết**